

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 11/9/2020

V/v “Tranh chấp về hợp
đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phước Tâm

Bà Hồ Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 11/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2020/TLST-DS ngày 06/5/2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2020/QĐST-DS ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương Mại cổ phần Q D;**

Trụ sở: số 28C-28D phố B T, phường H B, quận H K, TP. Hà Nội. Chi nhánh: số 183-185 H V, phường 2, thành phố C L, tỉnh Đồng Tháp. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thu T - Giám đốc phụ trách chi nhánh Đồng Tháp.

Bà T ủy quyền cho anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1988 – chuyên viên quản lý khách hàng cá nhân. Địa chỉ: ấp 6, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Trần Hữu T E,** sinh năm 1987;

Địa chỉ: tổ 4, ấp B P L, xã B T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T E vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 03/8/2020, nguyên đơn là Ngân hàng Thương Mại cổ phần (TMCP) Q D (đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Hoàng V) trình bày: Anh T E có vay Ngân hàng TMCP Q D các khoản vay như sau:

+ Khoản vay 01:

Theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 232/2017/HĐCV-TDTC-9365 ngày 04/12/2017 số tiền vay 100.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất cho vay trong hạn: trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 12,1%/năm. Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức $LSV = LSCS + 4,5\%/năm$. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Từ ngày giải ngân đầu tiên đến trước ngày 27/6/2019 anh T E chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi là 45.389.333đ.

+ Khoản vay 02: thẻ Visa (hạng chuẩn), hạn mức 40.000.000đ.

Tính đến ngày 11/9/2020, Ngân hàng TMCP Q D yêu cầu anh Trần Hữu T E phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 141.928.042đ, bao gồm:

+ Tiền nợ gốc theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ 68.799.955đ, tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 24.702.689đ, tổng cộng là 93.502.644đ;

+ Dư nợ thẻ 26.547.774đ, tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 21.877.624đ, tổng cộng là 48.425.398đ;

Đối với bị đơn là anh Trần Hữu T E đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Hợp đồng tín dụng (bản sao);
- Hợp đồng ủy quyền (bản chính);
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Q D (photo);
- Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế NCB Visa (photo);
- Đơn xin xét xử vắng mặt và bản chi tiết công nợ khách hàng (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Trần Hữu T E phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 11/9/2020 tổng cộng là 141.928.042đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng mà anh T E đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q D cho đến khi thanh toán xong nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã B T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn Trần Hữu T E đã được triệu tập hợp lệ để tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Ngân hàng TMCP Q D khởi kiện yêu cầu anh Trần Hữu T E phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 11/9/2020 tổng cộng là 141.928.042đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng mà anh T E đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q D cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ: Anh T E có ký hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP Q D, có ký đăng ký phát hành thẻ ghi nợ Visa như sau:

+ Khoản vay 01:

Theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 232/2017/HĐCV-TDTC-9365 ngày 04/12/2017 số tiền vay 100.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất cho vay trong hạn: trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 12,1%/năm. Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức $LSV = LSCS + 4,5\%/năm$. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn.

+ Khoản vay 02: Thẻ Visa (hạng chuẩn), hạn mức 40.000.000đ.

Sau khi vay, anh T E đã không thực hiện đúng như thỏa thuận hai bên đã ký kết, Ngân hàng TMCP Q D đã nhiều lần yêu cầu anh T E trả nợ nhưng anh T E vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP Q D yêu cầu anh Trần Hữu T E phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 141.928.042đ (bao gồm: Tiền nợ gốc theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ 68.799.955đ và tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 24.702.689đ, tổng cộng là 93.502.644đ; Dư nợ thẻ 26.547.774đ và tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 21.877.624đ, tổng cộng là 48.425.398đ), là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q D.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q D về việc yêu cầu anh Trần Hữu T E phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 141.928.042đ (bao gồm: Tiền nợ gốc theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ 68.799.955đ, tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 24.702.689đ, tổng cộng là 93.502.644đ; Dư nợ thẻ 26.547.774đ, tiền lãi trong

hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 21.877.624đ, tổng cộng là 48.425.398đ) nên anh T E phải có nghĩa vụ chịu 7.096.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP Q D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.520.000đ theo biên lai số 0003306 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q D về trả tiền vay và lãi.

- Buộc anh Trần Hữu T E phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q D tổng số tiền nợ là 141.928.042đ (bao gồm: Tiền nợ gốc theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ 68.799.955đ, tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 24.702.689đ, tổng cộng là 93.502.644đ; Dư nợ thẻ 26.547.774đ, tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 21.877.624đ, tổng cộng là 48.425.398đ).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 11/9/2020, anh T E còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 232/2017/HĐCV-TDTC-9365 ngày 04/12/2017 và lãi suất phải trả theo mức lãi suất quy định đối với việc sử dụng, phát hành thẻ tín dụng quốc tế NCB Visa.

- Về án phí: Anh T E phải chịu 7.096.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng Ngân hàng TMCP Q D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng TMCP Q D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã 2.520.000đ theo biên lai số 0003306 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Châu Văn Sang